

Bản án số: 06/ 2020/ HNGĐ - ST
Ngày : 27 /8/ 2020.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Phạm Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Xóm 11, Thôn Đức H, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm 5, Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Đào Thị T còn vắng mặt anh Nguyễn Đức M (anh M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, cùng các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Đào Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức M qua thời gian tự do tìm hiểu khoảng 6 tháng, thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh C, huyện Yên Khánh vào ngày 21/11/2016, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới chị và anh M về chung sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân chính là do anh M không tu chí làm ăn, bản thân lại nghiện ma túy, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không nghe, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, do anh M không nghe nên dẫn đến chị trăn nản. Đến tháng 11 năm 2019 chị không chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Khánh H, huyện Yên Khánh để sinh sống, kể từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh M không còn, sống không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

Về con: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2018, cháu do anh M nuôi dưỡng.

Khi chị bỏ về, chị bé con đi cùng nhưng anh M và gia đình ngăn cản không cho chị bé con đi, mặc dù chị mong muốn được đưa cháu đi cùng để chăm sóc và nuôi dưỡng nhưng không được, nên chị phải chịu để cháu lại. Nay chị đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Về con riêng chị và anh M không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định cho đến nay chị và anh M không có tài sản chung (riêng) về công nợ và đất nông nghiệp không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời ngày 12/6/2020 và bản tự khai, cùng các văn bản khác có trong hồ sơ bị đơn là anh Nguyễn Đức M trình bày: Anh và chị T có thời gian tự do tìm hiểu khoảng 1 năm, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh C, huyện Yên Khánh vào ngày 21/11/2016 và đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới anh và chị T về chung sống cùng nhà với bố mẹ anh, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì mâu thuẫn phát sinh. Đến tháng 10/2019 chị T dọn hết tư trang bỏ đi, chị T tự ý bỏ nhà đi, không nói cho ai biết lý do, anh không đánh chửi gì chị T, cho đến tháng 6/2020 anh có đến nhà tìm chị T nhưng không gặp, anh điện thoại cho chị T để khuyên bảo, nhưng chị T không nói gì. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con: Anh xác định cho đến nay anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2018, khi chị T bỏ đi cháu K do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nay anh M có quan điểm nếu chị T cố tình ly hôn, thì anh nhất trí giao cháu K cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu K đủ 03 tuổi, sau đó chị T phải giao cháu K lại cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng và anh cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh. Về con riêng anh và chị T không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh xác định cho đến nay anh và chị T không có tài sản gì, về công nợ và đất nông nghiệp không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh M vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện chị Đào Thị T xử cho ly hôn với anh Nguyễn Đức M. Về con: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2018 cho chị Đào Thị T được nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục, anh Nguyễn Đức M không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T và có quyền đi lại thăm nom con chung. Về án phí chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa vào ngày 18/8/2020 có mặt chị Đào Thị T còn anh Nguyễn Đức M vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Đào Thị T có mặt còn anh Nguyễn Đức M vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Đức M có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 11 năm 2016 tại UBND xã Khánh C, huyện Yên Khánh, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh M nghiện ma túy, bản thân chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không nghe. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và trở nên căng thẳng. Đến tháng 11 năm 2019 chị T đã dọn về nhà bố mẹ đẻ tại xã Khánh H, huyện Yên Khánh để sinh sống, chị và anh M sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Căn cứ vào các tài liệu chị T xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh M trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M nghiện ma túy, vì vậy vào tháng 9 năm 2015 anh M đã bị UBND xã Khánh C ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời gian 03 tháng, do sử dụng chất ma túy. Do không khuyên can được anh M nên giữa chị T và anh M luôn xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và không quan tâm gì đến nhau nữa. Bản thân anh M không nhất trí ly hôn, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh M cung cấp chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nhưng anh M không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ cho quan điểm của anh. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa chị Đào Thị T và anh Nguyễn Đức M mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Đức M là phù hợp.

[3] Về con: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Đức M cho đến nay có một con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2018, cháu do anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi đi chị T muốn đưa cháu đi cùng nhưng anh M ngăn cản. Tại phiên tòa chị T khai nhận anh M đã cho chị đón cháu K về nuôi dưỡng, nay chị yêu cầu giao cháu K cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, vì chị làm công nhân và có mức lương ổn định nên chị không yêu cầu việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét về yêu cầu nuôi con của chị T thấy rằng cháu K hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định "...Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con...". Do chị T và anh M không có thỏa thuận và cháu K hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con. Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2018 cho chị T được tiếp tục chăm sóc nuôi

dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh M không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T và có quyền đi lại thăm nom con chung. Về con riêng chị T và anh M không có nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Trong quá trình Tòa án giải quyết chị T và anh M đều xác định không có tài sản, về công nợ và đất nông nghiệp không có nên không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị Đào Thị T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Đức M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

- Về con: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2018 cho chị Đào Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Đức M không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Đào Thị T và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Đức M đều xác định không có tài sản, về công nợ và đất nông nghiệp không có nên không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đào Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002192 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung